

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SNN&PTNT-KHTC

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2021

V/v giải trình, hoàn thiện Đề xuất dự án “Phát triển thủy sản bền vững, vay vốn WB, tỉnh Thanh Hóa”

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại văn bản số 17911/UBND-NN ngày 25/12/2020 về việc giao hoàn thiện đề xuất dự án Phát triển thủy sản bền vững sử dụng vốn Ngân hàng Thế giới; ý kiến của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại văn bản số 9086/BNN-HTQT ngày 24/12/2020 về việc khẩn trương giải trình, hoàn thiện đề xuất Dự án “Phát triển thủy sản bền vững”, vay vốn WB và ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 8223/BKHĐT-KTĐN ngày 14/12/2020 về việc hoàn thiện đề xuất Dự án Phát triển thủy sản bền vững sử dụng vốn WB,

Trên cơ sở góp ý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 61/SKHĐT-KTNN ngày 05/01/2021; Sở Tài chính tại Văn bản số 03/STC-ĐT ngày 04/01/2021, Sở Nông nghiệp và PTNT đã rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Đề xuất dự án theo quy định tại Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ và ý kiến góp ý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 8223/BKHĐT-KTĐN ngày 14/12/2020 về việc hoàn thiện đề xuất Dự án Phát triển thủy sản bền vững sử dụng vốn WB. *(có Dự thảo văn bản và Đề xuất dự án gửi kèm theo).*

Sở Nông nghiệp và PTNT kính báo cáo và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, có văn bản báo cáo giải trình, hoàn thiện đề xuất dự án “Phát triển thủy sản bền vững”, vay vốn WB gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính.

(Có dự thảo văn bản và Đề xuất dự án kèm theo).

Kính đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hoàng Thị Yến

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-NN
V/v hoàn thiện Đề xuất dự án “Phát triển thủy sản bền vững, vay vốn WB, tỉnh Thanh Hóa”

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

DỰ THẢO

Thực hiện Công văn số 8223/BKHĐT-KTĐN ngày 14/12//2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hoàn thiện đề xuất Dự án Phát triển thủy sản bền vững sử dụng vốn WB; Công văn số 9086/BNN-HTQT ngày 24/12/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc khẩn trương giải trình, hoàn thiện Đề xuất dự án “Phát triển thủy sản bền vững”, vốn vay WB; Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải trình, hoàn thiện Đề xuất Dự án “Phát triển thủy sản bền vững”, vay vốn WB tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

1. Đối với việc thực hiện ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 6341/BKHĐT-KTĐN ngày 25/9/2020

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính tại công văn số 11633/BTC-QLN ngày 23/9/2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 6341/BKHĐT-KTĐN ngày 25/9/2020, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 6898/BNN-HTQT ngày 02/10/2020), Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã giải trình, hoàn thiện Đề xuất Dự án “Phát triển thủy sản bền vững”, vay vốn WB tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 14763/UBND-NN ngày 21/10/2020.

2. Bổ sung một số nội dung

a) Về sự cần thiết, tác dụng

- Sự cần thiết: Thủy sản là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Thanh Hóa, vừa góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà, vừa góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc. Để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội việc đầu tư cơ sở hạ tầng cho ngành thủy sản được tỉnh Thanh Hóa xác định là ưu tiên hàng đầu cho giai đoạn 2021-2025 trong lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT. Tuy nhiên, đến nay vốn bố trí cho đầu tư hạ tầng thủy sản là rất thấp và chưa tương xứng với tiềm năng phát triển ngành thủy sản của tỉnh.

- Tác dụng: Phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị khai thác hải sản gồm đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển bền vững khai thác thủy sản và phát triển hạ tầng nuôi trồng thủy sản đều thuộc trách nhiệm và thẩm quyền của UBND tỉnh Thanh Hóa được quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản; Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đến năm 2020, định

hướng đến năm 2030; Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 04/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Ngoài ra, các nội dung đầu tư của Dự án “Phát triển thủy sản bền vững” còn phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành của địa phương theo Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 15/01/2019 của Tỉnh ủy Thanh Hóa, Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 29/5/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Về đảm bảo không trùng lặp với phạm vi, hạng mục đầu tư của các dự án và nguồn vốn khác trong cùng lĩnh vực và địa bàn: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã rà soát, đảm bảo các hạng mục đầu tư được đề xuất trong Dự án “Phát triển thủy sản bền vững” tỉnh Thanh Hóa không trùng lặp với các chương trình, dự án đã được đầu tư trong giai đoạn 2016-2020 cũng như các chương trình, dự án dự kiến đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 cho lĩnh vực thủy sản của Trung ương và tỉnh Thanh Hóa.

- Mọi quan hệ, sự phối hợp với các dự án và nguồn vốn đầu tư khác trong việc đạt được mục tiêu và nhiệm vụ chung của ngành thủy sản:

+ Nguồn ngân sách Nhà nước: Việc đề xuất ngân sách trung ương (vốn trong nước) đầu tư cho Dự án “Phát triển thủy sản bền vững” cho giai đoạn 2021-2025 là rất khó khăn, kể cả nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, trong khi tỉnh Thanh Hóa vẫn chưa cân đối được nguồn vốn ngân sách địa phương để đầu tư cho dự án.

+ Nguồn vốn vay: Ngân hàng Thế giới (WB) với khả năng cho vay với số vốn lớn là nguồn bổ sung quan trọng để bù đắp bội chi ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển trong bối cảnh nguồn ngân sách nhà nước đang phải ưu tiên cho chi thường xuyên, chi trả nợ lãi và chi đầu tư cho các chương trình, dự án mục tiêu, trọng điểm quốc gia. Ngoài ra, việc cho vay với thời gian dài cũng làm giảm áp lực nợ công của Chính phủ. Do vậy, việc đề xuất sử dụng nguồn vốn vay từ WB để thực hiện Dự án “Phát triển thủy sản bền vững” là cần thiết và phù hợp với các chính sách thu hút vốn đầu tư cho phát triển của quốc gia. Hiệu quả sử dụng đối với nguồn vốn này cũng đã được chứng minh qua rất nhiều chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn vay từ WB.

b) Về các hợp phần của Dự án

Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã rà soát các nội dung đầu tư của Dự án “Phát triển thủy sản bền vững” tỉnh Thanh Hóa đảm bảo nguyên tắc sử dụng vốn vay chỉ chi đầu tư phát triển theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý nợ công, Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 29/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Đối với khả năng cân đối và bố trí kế hoạch vốn cho Dự án

- Đối với nguồn vốn vay nước ngoài: Theo các quy định của Luật quản lý nợ công số 20/2017/QH14 ngày 23/11/ 2017, Luật ngân sách Nhà nước số

83/2015/QH13 ngày 25/6/2015, Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết Luật ngân sách, tỉnh Thanh Hóa áp dụng cơ chế tài chính cho Dự án “Phát triển thủy sản bền vững” phù hợp với cơ chế vay lại vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài theo Nghị định 97/2018/NĐ-CP về cho vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ, Quyết định số 1164/QĐ-BTC ngày 18/7/2018 của Bộ Tài chính về công bố tỷ lệ cho vay lại vốn ODA, vốn vay ưu đãi cụ thể cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với tỷ lệ vốn vay Trung ương cấp phát và tỉnh vay lại là: 60% cấp phát, 40% vay lại.

- Khả năng cần đối, bố trí kế hoạch vốn nước ngoài (cấp phát, vay lại): Tỉnh Thanh Hóa có số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp nhỏ hơn chi thường xuyên của ngân sách địa phương, theo Khoản 6 Điều 7 Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 thì hạn mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương là 20% số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp. Căn cứ kế hoạch thu ngân sách tỉnh Hóa giai đoạn (2020-:-2022) và số liệu ước tính cho giai đoạn năm (2023-2025); số liệu về kế hoạch nhận nợ của dự án tại Kế hoạch mức dư nợ tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025 như sau:

**Kế hoạch nhận nợ của dự án và mức dư nợ
của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025**

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Nội dung	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1	Tổng thu NSDP được hưởng theo phân cấp	7.158	9.063	9.860	10.890	10.245	13.330	14.630
2	Mức dư nợ tối đa	1.432	1.813	1.972	2.178	2.049	2.666	2.926
3	Dư nợ cuối kỳ (chưa kể dự án này và các chương trình, dự án đang đề xuất cho giai đoạn 2021-2025)	480	495	829	1.354	1.960	2.336	2.630
4	Dự kiến vay của dự án	0	0	12	35	40	30	14,8
5	Dự kiến vay của các chương trình, dự án mới khác (nếu có)	0	0	0	0	0	0	0
6	Dư nợ cuối kỳ dự kiến (bao gồm cả dự án này và các chương trình, dự án đang đề xuất cho giai đoạn 2021-2025)	480	495	841	1.389	2.000	2.366	2.644,8
7	Tỷ lệ dư nợ cuối kỳ dự kiến/mức dư nợ tối đa (%)	33,5	27,3	42,6	63,8	97,6	88,7	90,4

Như vậy khi tiếp nhận nợ cho dự án, mức dư nợ ngân sách tỉnh Thanh Hóa giai đoạn (2021 - 2025) đảm bảo tổng dư nợ vay không vượt quá hạn mức dư nợ được phép. Do đó, ngân sách tỉnh Thanh Hóa đảm bảo khả năng vay và trả nợ theo các

quy định. Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc, lãi và phí phát sinh đối với phần vốn vay cho dự án đúng quy định.

- Về vốn đối ứng địa phương: UBND tỉnh Thanh Hóa cam kết bố trí đủ vốn đối ứng cơ cấu trong tổng mức đầu tư của dự án, phù hợp với cơ chế tài chính trong nước và quy định tại Khoản 2, Điều 43, Nghị định 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài. Theo đó, vốn đối ứng có thể sử dụng cho các khoản chi gồm: chi phí hoạt động cho Ban quản lý dự án (lương, thưởng, phụ cấp, văn phòng, phương tiện làm việc, chi phí hành chính); chi phí thẩm định thiết kế, duyệt tổng dự toán, hoàn tất các thủ tục đầu tư, xây dựng và thủ tục hành chính cần thiết khác; chi phí tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo, tập huấn nghiệp vụ quản lý và thực hiện dự án; chi phí tuyên truyền về dự án; chi phí để trả các loại thuế, phí hải quan, phí bảo hiểm; chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng; chi phí kiểm toán, quyết toán; chi phí khảo sát, thiết kế kỹ thuật, thi công...

3. Về ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường (tại Công văn số 5944/ BTNMT-BĐKH ngày 23/10/2020)

a) Sự tác động của Dự án

- Đối với các hộ dân là người dân tộc thiểu số: Vùng phạm vi đề xuất đầu tư của dự án không có dân tộc thiểu số sinh sống. Đối với cộng đồng dân cư địa phương: Tất cả các hạng mục đầu tư đề xuất trong dự án đều là nâng cấp, cải tạo theo hiện trạng trên phần đất công do địa phương quản lý do đó không ảnh hưởng đến tài sản và hoa lợi cộng đồng dân cư nơi công trình đi qua.

- Các giải pháp quản lý, bảo vệ môi trường và thể chế thực hiện, giám sát:

+ Đầu tư nâng cấp các cơ sở hạ tầng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; hạ tầng phục vụ nuôi tôm nước lợ sẽ mang lại các tác động tích cực bảo vệ môi trường; giảm thiểu ô nhiễm đất, nước khi các công trình xử lý nước thải, chất thải được đầu tư xây dựng.

+ Việc áp dụng các biện pháp an toàn sinh học trong nuôi tôm góp phần giảm sử dụng hóa chất, kháng sinh trong sản xuất, cải thiện chất lượng môi trường vùng nuôi.

+ Các cơ quan quản lý, người dân hoạt động trong lĩnh vực thủy sản được tiếp cận với những cơ sở hạ tầng nghề cá có điều kiện vệ sinh môi trường tốt hơn, nhờ đó giảm các nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe tại nơi làm việc, nâng cao được ý thức bảo vệ môi trường.

b) Mức độ khai thác thủy sản cần phù hợp với trữ lượng, quy luật tự nhiên, bảo đảm bền vững về môi trường và nằm trong khả năng chịu tải của hệ sinh thái biển, ven biển

Việc đầu tư cơ sở hạ tầng, công nghệ giảm tổn thất sau thu hoạch trong khai thác thủy sản làm tăng chất lượng sản phẩm, nâng cao giá trị cho khai thác, hạn chế

ảnh hưởng xấu đến môi trường làm việc trên tàu cá, bảo vệ và khai thác hiệu quả hơn nguồn lợi thủy sản, khai thác hải sản có trách nhiệm. Từ đó, giảm thiểu các tác tiêu cực động đến hệ sinh thái biển, ven biển và đảm bảo hệ sinh thái biển, ven biển phát triển bền vững.

Đề xuất dự án “Phát triển thủy sản bền vững” tỉnh Thanh Hóa nhằm mục tiêu xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng, áp dụng công nghệ tiên tiến, tăng cường năng lực quản lý và tổ chức sản xuất tốt ngành thủy sản theo hướng nâng cao giá trị, hội nhập quốc tế sâu rộng, thân thiện môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần hoàn thành mục tiêu phát triển bền vững ngành thủy sản của tỉnh, thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội gắn với bảo vệ môi trường sinh thái hoàn toàn phù hợp với kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho Việt Nam do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp nhận, công bố; đồng thời, lồng ghép thực hiện nhiệm vụ số 5 của lĩnh vực nông nghiệp “Bảo đảm hiệu quả đánh bắt và nuôi trồng thủy sản thông qua việc cải tiến phương pháp, kỹ thuật và cải thiện cơ sở hạ tầng ngành thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu tại Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 đã được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20/7/2020.

Trên đây là giải trình của tỉnh Thanh Hóa về Đề xuất dự án “Phát triển thủy sản bền vững”, vay vốn WB tỉnh Thanh Hóa. UBND tỉnh Thanh Hóa kính báo cáo và rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

(Kèm theo Đề xuất dự án "Phát triển thủy sản bền vững" tỉnh Thanh Hóa)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Các sở: NN&PTNT, KH&ĐT, TC;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

**ĐỀ XUẤT DỰ ÁN PHÁT TRIỂN THỦY SẢN BỀN VỮNG
PHẦN CÔNG VIỆC DO ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
THANH HÓA THỰC HIỆN**

*(Kèm theo Công văn số: /UBND-NN ngày / /2020
của UBND tỉnh Thanh Hóa).*

I. NHỮNG THÔNG TIN CHỦ YẾU

1. Tên dự án:

- Tiếng Việt: Dự án phát triển thủy sản bền vững tỉnh Thanh Hóa.
- Tiếng Anh: Sustainable Fishery Development Project (Viết tắt SFDP)

2. Cơ quan chủ quản, đơn vị đề xuất và chủ chương trình/dự án

- Cơ quan chủ quản dự án: UBND tỉnh Thanh Hóa.
- Đơn vị đề xuất dự án: Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa.
- Chủ dự án: Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa.

3. Nhà tài trợ và đồng tài trợ nước ngoài dự kiến hỗ trợ thực hiện chương trình/dự án

- Nhà tài trợ: Ngân hàng Thế giới (WB).

II. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT

1. Tầm quan trọng và sự cần thiết

Tỉnh Thanh Hoá có chiều dài bờ biển 102 km, vùng lãnh hải trên 1,7 vạn km²; ven biển có diện tích hơn 1.230,6 km², với 6 huyện/thị xã/thành phố (Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoằng Hóa, Sầm Sơn, Quảng Xương và Nghi Sơn), dân số khoảng 1,1 triệu người, chiếm 29% dân số toàn tỉnh. Các huyện ven biển là nơi tập trung phát triển kinh tế thủy sản của cả tỉnh, kể cả nuôi trồng, khai thác, dịch vụ hậu cần và chế biến thủy sản. Năm 2019, ngành thủy sản Thanh Hóa phát triển khá; tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản 181.821 tấn; giá trị sản xuất thủy sản đạt 5.680 tỷ đồng. Tổng số tàu cá đến ngày 30/6/2020 là 7.234 chiếc, trong đó số tàu cá xa bờ là 1.332 chiếc.

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương, cơ sở hạ tầng ngành thủy sản nói chung và lĩnh vực thủy sản ven biển nói riêng của tỉnh Thanh Hóa đã từng bước được đầu tư, nâng cấp như: nâng cấp cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền, nạo vét luồng lạch; đầu tư nâng cấp các khu nuôi trồng thủy sản, trung tâm giống thủy sản từ Chương trình phát triển giống thủy sản, Chương trình nuôi trồng thủy sản và từ dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững, vay vốn Ngân hàng Thế giới (dự án CRSD). Tuy nhiên, nhu cầu đầu tư phát triển thủy sản là rất lớn, trong khi khả năng cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương còn hạn hẹp nên việc đầu tư chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu phát triển, còn nhiều thách thức cản trở đến phát triển bền vững ngành thủy sản, cụ thể:

- Đối với khai thác hải sản Thanh Hóa có một số thách thức:

+ Thách thức lớn nhất đó là hạ tầng các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão với cầu cảng, luồng lạch hiện nay quá tải so với năng lực tàu cá trong tỉnh. Giai đoạn 2009-2019, số lượng tàu cá ven bờ có xu hướng giảm, trong khi nhóm tàu khai thác thủy sản xa bờ (công suất từ 90CV trở lên theo Luật Thủy sản 2003) tăng nhanh, từ 715 chiếc năm 2009 lên 2.003 chiếc năm 2019, đặc biệt từ năm 2015 đến nay với các chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, số tàu khai thác thủy sản đóng mới có công suất trên 400CV tăng nhanh; trong khi các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão với các cầu cảng, luồng lạch, hạ tầng kỹ thuật phụ trợ hiện có chưa đáp ứng yêu cầu neo đậu, bốc dỡ sản phẩm, gây khó khăn cho tàu ra vào cảng, đã hạn chế đến hiệu quả đánh bắt, quản lý tàu cá, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; khu phân loại hải sản, công trình xử lý chất thải, nước thải chưa đáp ứng yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng sản phẩm sau đánh bắt, gây tác động xấu đến môi trường xung quanh cảng cá; công tác quản lý, giám sát nguồn gốc xuất xứ thủy sản đã ảnh hưởng lớn đến công tác chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định tại địa phương.

+ Hệ thống thông tin giám sát tàu cá hiện có chưa đáp ứng được đảm bảo an toàn cho người và tàu cá khi hoạt động trên biển, đặc biệt là trong mùa mưa bão. Trạm bờ quản lý tàu cá của tỉnh hiện nay có quy mô nhỏ, chưa đồng bộ và chưa đáp ứng được nhu cầu tiếp nhận, xử lý thông tin quản lý khai thác thủy sản hiện nay.

+ Tồn thất sau khai thác thủy sản còn cao, ước tính khoảng 20-25% giá trị sản phẩm. Phương thức bảo quản sản phẩm sau khi khai thác phổ biến là dùng nước đá xay, ướp muối truyền thống, sự hiểu biết của ngư dân về đảm bảo an toàn thực phẩm trong sơ chế và bảo quản sản phẩm khai thác còn hạn chế. Hiện nay với công nghệ cấp đông lạnh hậu, thời gian lên cá và vận chuyển chậm dẫn đến hao hụt lớn sau khai thác, gây lãng phí nguồn lợi và hiệu quả kinh tế thấp.

- Đối với nuôi trồng thủy sản: Điều kiện hạ tầng nuôi trồng thủy sản nước lợ phần lớn chỉ đáp ứng cho hình thức nuôi tôm quảng canh với năng suất nuôi rất thấp do hệ thống cấp thoát nước chung nhau, hệ thống giao thông không thuận lợi, không có điện cho vùng nuôi,... nên gặp khó khăn khi phát triển nuôi thâm canh. Để thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, một số vùng trồng lúa bị nhiễm mặn, trồng cói kém hiệu quả đã lập dự án chuyển đổi sang nuôi tôm nước lợ nhưng hiện tại thiếu nguồn vốn đầu tư để đầu tư hạ tầng công các công trình thiết yếu.

Để sớm khắc phục tình trạng trên, tạo điều kiện cho ngành thủy sản Thanh Hóa phát triển bền vững thì việc tham gia dự án phát triển thủy sản bền vững, vay vốn WB là thực sự cần thiết.

2. Những nỗ lực đã thực hiện để giải quyết các vấn đề đặt ra

Để giải quyết các khó khăn thách thức của ngành thủy sản, tỉnh Thanh Hóa đã chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững, giai đoạn 2016-2020 được

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1434/QĐ-TTg ngày 22/9/2017 để đầu tư, nâng cấp các công trình cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão, hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung.

Ngoài ra, từ năm 2012, tỉnh Thanh Hóa được tham gia dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững (CRSD) do Ngân hàng Thế giới tài trợ; đây là dự án đầu tiên Chính phủ vay vốn ODA để phát triển ngành thủy sản. Đối với lĩnh vực khai thác thủy sản, dự án đã hỗ trợ đầu tư nâng cấp 02 cảng cá (cảng cá Hoàng Phụ, huyện Hoàng Hóa và cảng cá Hải Châu, huyện Tĩnh Gia); đầu tư 10 vùng nuôi trồng thủy sản an toàn sinh học và đa dạng hóa với 1.180 ha. Dự án đã thành lập 15 tổ đồng quản lý tại 19 xã/phường ven biển, tổng số hộ tham gia 2.809 hộ, với chiều dài bờ biển 51,6km/102km, chiếm 50,6% chiều dài bờ biển toàn tỉnh, vùng diện tích thực hiện đồng quản lý là 575km²; đã thành lập 10 tổ cộng đồng nuôi trồng thủy sản tại 10 vùng nuôi với gần 800 hộ nuôi tham gia là các mô hình mới có hiệu quả trong quản lý vùng nuôi.

3. Các chương trình, dự án đang triển khai cùng lĩnh vực

Hiện nay trên địa bàn tỉnh đang triển khai 01 dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khai thác thủy sản: Dự án khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá cửa Sông Lý, huyện Quảng Xương, dự kiến hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng vào quý IV năm 2020, đáp ứng năng lực tiếp nhận gần 300 tàu cá vào neo đậu, tránh trú bão.

4. Tính gắn kết quả dự án với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ/địa phương, quy hoạch ngành

Dự án Phát triển thủy sản bền vững tỉnh Thanh Hóa phù hợp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ/địa phương và quy hoạch ngành đã được các cấp có thẩm quyền cụ thể hóa bằng các văn bản:

- Nghị quyết số 36-NQ/TW về “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn 2045” ban hành tại Hội nghị lần thứ tám, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII. Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ Ban hành kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018.

- Quyết định số 1434/QĐ-TTg ngày 22/9/2017 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển thủy sản bền vững, giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định 79/QĐ-TTg ngày 17/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia phát triển ngành tôm Việt Nam đến năm 2025.

- Quyết định số 78/QĐ-TTg ngày 16/1/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia nhằm ngăn chặn, giảm thiểu và loại bỏ khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định đến năm 2025.

- Báo cáo rà soát, cập nhật quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, quy hoạch giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2040.

- Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 16/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2020.

- Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 2760/QĐ-BNN-TCTS ngày 22/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Quyết định số 2320/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về ban hành Chương trình hành động của UBND tỉnh Thanh Hóa thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 20/4/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững.

- Kế hoạch 115/KH-UBND ngày 29/5/2020 của UBND tỉnh về Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ và Kế hoạch 125-KH/TU ngày 15/01/2019 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018; Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 11/5/2018 của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch hành động phát triển ngành tôm tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, 104/KH-UBND ngày 16/5/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về Thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2018-2020; Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 04/10/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về Hành động chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

5. Nhà tài trợ nước ngoài dự kiến

Tỉnh Thanh Hóa đề xuất sử dụng nguồn vốn ODA từ nhà tài trợ nước ngoài dự kiến là Ngân hàng Thế giới (WB) xuất phát từ các lý do sau:

Hiện nay, nhu cầu đầu tư nâng cấp, hoàn thiện hệ thống hạ tầng phục vụ khai thác và nuôi trồng thủy sản của tỉnh Thanh Hóa là rất lớn. Nguồn đầu tư từ ngân sách Trung ương (vốn trong nước) và ngân sách tỉnh còn hạn chế, vì vậy nguồn vốn ODA là một kênh quan trọng hỗ trợ đầu tư cho lĩnh vực thủy sản.

Trên cơ sở văn bản số 10050/BTC-QLN ngày 20/8/2018 và văn bản số 1730/BTC-QLN ngày 12/2/2019 của Bộ Tài chính gửi Chính phủ về công khai thông tin về khung điều kiện vay của 06 Ngân hàng Phát triển trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, tỉnh Thanh Hóa nhận thấy các nội dung đầu tư của Dự án “Phát triển thủy sản bền vững” tỉnh Thanh Hóa không thuộc lĩnh vực ưu tiên của các nhà tài trợ: Ngân hàng tái thiết Đức (KfW), Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc (KEXIM), Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB).

Ngân hàng Thế giới (WB): Việt Nam đã tốt nghiệp IDA, hiện khoản vay IBRD của WB cho Việt Nam có kỳ hạn vay tối đa lên đến 35 năm, lãi suất cố định hoặc thả nổi, đồng tiền vay có thể lựa chọn là tiền USD, EURO, Yên Nhật, hoặc Bảng Anh. Hiện lãi suất thả nổi theo điều kiện gắn với LIBOR vay bằng đồng USD, kỳ hạn vay 22 năm, cộng thêm các loại phí ở mức 1,15%/năm. Mức

lãi suất này không chênh lệch nhiều so với các nhà tài trợ khác, tuy nhiên thấp hơn nhiều so với chi phí huy động vốn trong nước hiện nay (Năm 2020, lãi suất huy động trái phiếu Chính phủ kỳ hạn dài khoảng 3,8%/năm).

Bên cạnh yếu tố lãi suất cho vay, WB được đề xuất là nhà tài trợ cho dự án còn do kinh nghiệm hỗ trợ cho lĩnh vực thủy sản ở Việt Nam nói chung và tỉnh Thanh Hóa nói riêng. Cụ thể WB đã thành công khi triển khai Dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững (CRSD) thực hiện trong giai đoạn 2012-2018 đã có những tác động tích cực đến phát triển ngành thủy sản của tỉnh, đặc biệt là tôm nuôi nước lợ. Do vậy, việc lựa chọn WB làm nhà tài trợ cho Dự án Phát triển thủy sản bền vững tỉnh Thanh Hóa là hoàn toàn phù hợp và có hiệu quả khi so sánh với các nguồn vốn vay từ các nhà tài trợ nước ngoài khác.

III. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT

1. Mục tiêu, phạm vi của dự án

1.1. Mục tiêu tổng quát: Xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng, tổ chức lại sản xuất nhằm phát triển lĩnh vực thủy sản tỉnh Thanh Hóa theo hướng nâng cao giá trị, hội nhập quốc tế và thích ứng với biến đổi khí hậu.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Hình thành hệ thống cơ sở hạ tầng khai thác hải sản đồng bộ, gắn với các ngành công nghiệp phụ trợ, dịch vụ hậu cần, nâng cao hiệu quả khai thác hải sản, giảm tổn thất sau thu hoạch.

- Phát triển hạ tầng nuôi trồng thủy sản nước lợ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng tôm nuôi, bảo vệ môi trường sinh thái.

1.3. Phạm vi của dự án:

* Dự án triển khai thực hiện đầu tư hợp phần nâng cấp, phát triển hạ tầng khai thác thủy sản và hạ tầng nuôi trồng thủy sản tập trung trên địa bàn 04 huyện, gồm: Hoằng Hóa, Hậu Lộc, Nga Sơn và Quảng Xương.

- Phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị khai thác hải sản: Đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển bền vững khai thác thủy sản. Dự án sẽ tập trung nâng cấp, mở rộng 02 công trình cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, gồm: Nâng cấp, mở rộng cảng cá Hoằng Trường, xã Hoằng Trường, huyện Hoằng Hóa; nâng cấp, mở rộng cảng cá kết hợp với khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thuộc xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc (Riêng công trình Cảng cá Lạch Hới kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thuộc phường Quảng Tiến, thành phố Sầm Sơn được đầu tư trong phạm vi dự án do Bộ Nông nghiệp và PTNT làm cơ quan chủ quản).

- Phát triển hạ tầng nuôi trồng thủy sản: Dự án tập trung phát triển hạ tầng thiết yếu như hệ thống cấp, thoát nước chính, hệ thống điện, đường giao thông phục vụ nuôi tôm nước lợ cho 7 vùng nuôi với diện tích 1.346 ha, gồm: Xây dựng cơ sở hạ tầng vùng NTTS xã Nga Tiến, Nga Tân, Nga Thủy huyện Nga Sơn (diện tích 285 ha); nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng NTTS xã Hoằng Yên, huyện Hoằng Hóa (diện tích 270 ha); nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng

thủy sản xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc (diện tích 64 ha); nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng NTTS xã Hoàng Phong, huyện Hoàng Hóa (225 ha); nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng NTTS xã Hoàng Lưu, huyện Hoàng Hóa (105 ha); nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng NTTS xã Hoàng Châu, huyện Hoàng Hóa (225 ha); nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng NTTS xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương (diện tích 172 ha).

* Bên cạnh hợp phần đầu tư cơ sở hạ tầng, Thanh Hóa đề xuất tham gia hợp phần Quản lý dự án. Hợp phần này cung cấp tài chính cho chi phí thực hiện dự án bao gồm các khoản phát sinh cho nhân sự ban quản lý dự án, phương tiện đi lại, thiết bị văn phòng, công tác phí, chi phí vận hành văn phòng và sửa chữa văn phòng dự án. Đồng thời dự án sẽ thuê tuyển các nhóm đầu tư vấn đề hỗ trợ công tác triển khai dự án.

2. Dự kiến kết quả chính của dự án

- Đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng 02 cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá, từ đó nâng cao hiệu quả khai thác hải sản, giảm tổn thất sau thu hoạch từ 30% hiện nay xuống còn 10% vào năm 2025.

- Đầu tư nâng cấp đồng bộ cơ sở hạ tầng 07 vùng nuôi trồng thủy sản nước lợ với 1.346 ha, từ đó nâng cao năng suất, chất lượng, bảo vệ môi trường sinh thái, góp phần hạn chế, giảm thiểu dịch bệnh, hiệu quả nuôi trồng thủy sản được nâng lên, năng suất nuôi trồng vùng đã được đầu tư nâng cấp tăng gấp 2 lần so với khi chưa được đầu tư, nâng cấp.

- Tăng cường sự hợp tác giữa tỉnh Thanh Hóa với các nhà tài trợ; nâng cao năng lực quản trị dự án ODA của ngành Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa.

3. Dự kiến thời gian thực hiện: Từ 2021 đến 2026.

4. Dự kiến tổng mức, cơ cấu nguồn vốn thực hiện dự án và đề xuất cơ chế tài chính

4.1. Dự kiến tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư dự kiến: 400 tỷ đồng, tương đương 17,22 triệu USD (tỷ giá quy đổi theo Thông báo số 5459/TB-NHNN ngày 30/9/2020 của Kho bạc Nhà nước: 1 USD tương đương 23.206 đồng), trong đó:

- Hợp phần 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phát triển thủy sản: 390 tỷ đồng, tương đương 16,79 triệu USD, bao gồm:

+ Phát triển cơ sở hạ tầng khai thác hải sản: 255 tỷ đồng (tương đương 10,98 triệu USD).

+ Phát triển cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản: 135 tỷ đồng (tương đương 5,81 triệu USD).

- Hợp phần 2: Quản lý dự án: 10 tỷ đồng (tương đương 0,43 triệu USD).

4.2. Dự kiến cơ cấu nguồn vốn

a) Căn cứ xác định cơ cấu nguồn vốn:

- Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản; Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP; Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về việc quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

- Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch hệ thống cảng cá, bến cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về cho vay lại vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

- Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 29/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài trong tình hình mới cho chi đầu tư phát triển, không vay cho chi thường xuyên.

- Quyết định số 1164/QĐ-BTC ngày 18/7/2018 của Bộ Tài chính về công bố tỷ lệ cho vay lại vốn ODA, vốn vay ưu đãi cụ thể cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

b) Đề xuất cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

- Hợp phần 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phát triển thủy sản của Thanh Hóa là các công trình Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng phát triển thủy sản thuộc các khu neo đậu cấp tỉnh và cảng cá loại II (theo Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015) và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản; đáp ứng tiêu chí quy định tại điểm b, khoản 1, điều 3 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014: đề xuất mức hỗ trợ kinh phí từ nguồn vốn Trung ương cho các chi phí xây lắp, chi phí thiết bị, chi phí bảo hiểm công trình (tương ứng khoảng 84,5% tổng mức đầu tư, đảm bảo không vượt mức 90% theo quy định). Phần chi phí còn lại (tương ứng 15,5% tổng mức đầu tư) bố trí từ nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh để chi cho công tác đền bù giải phóng mặt bằng, các loại thuế, phí và các chi phí khác.

- Hợp phần quản lý dự án: 100% từ nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh.

Cơ cấu cụ thể:

- Vốn vay ODA của WB: 329,55 tỷ đồng (tương đương 14,2 triệu USD).

- Vốn đối ứng ngân sách tỉnh: 70,45 tỷ đồng (tương đương 3,03 triệu USD).

Chi tiết tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn như tại bảng sau:

Bảng 1: Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn

TT	Hạng mục	Tổng số	Vốn ODA (tỷ VNĐ)			Tổng số	Vốn ODA (triệu USD)			Vốn đối ứng (NSDP)	
			Tổng số	Cấp phát	Vay lại		Tổng số	Cấp phát	Vay lại	Tỷ VNĐ	triệu USD
	Tổng số	400,00	329,55	197,73	131,82	17,22	14,20	8,52	5,68	70,45	3,03
A	Hợp phần 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phát triển thủy sản	390,00	329,55	197,73	131,82	16,79	14,20	8,52	5,68	60,45	2,60
I	Phát triển cơ sở hạ tầng khai thác hải sản	255,00	215,48	129,29	86,19	10,98	9,29	5,57	3,71	39,53	1,70
1	Nâng cấp, mở rộng cảng cá Hoàng Trường, xã Hoàng Trường, huyện Hoàng Hóa	150,00	126,75	76,05	50,70	6,46	5,46	3,28	2,18	23,25	1,00
2	Nâng cấp, mở rộng cảng cá kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Lạch Trường thuộc xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc	105,00	88,73	53,24	35,49	4,52	3,82	2,29	1,53	16,28	0,70
II	Phát triển cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản	135,00	114,08	68,45	45,63	5,81	4,92	2,95	1,97	20,93	0,90
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng vùng NTTS các xã: Nga Thủy, Nga Tân, Nga Tiên, huyện Nga Sơn	25,00	21,13	12,68	8,45	1,08	0,91	0,55	0,36	3,88	0,17
2	Nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng NTTS xã Hoàng Yên, huyện Hoàng Hóa	25,00	21,13	12,68	8,45	1,08	0,91	0,55	0,36	3,88	0,17
3	Nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng NTTS xã Hoàng Phong, huyện Hoàng Hóa	15,00	12,68	7,61	5,07	0,65	0,55	0,33	0,22	2,33	0,10
4	Nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng NTTS xã Hoàng Lưu, huyện Hoàng Hóa	15,00	12,68	7,61	5,07	0,65	0,55	0,33	0,22	2,33	0,10
5	Nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng NTTS xã Hoàng Châu, huyện Hoàng Hóa	25,00	21,13	12,68	8,45	1,08	0,91	0,55	0,36	3,88	0,17
6	Nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc	15,00	12,68	7,61	5,07	0,65	0,55	0,33	0,22	2,33	0,10
7	Nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng NTTS xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương	15,00	12,68	7,61	5,07	0,65	0,55	0,33	0,22	2,33	0,10
B	Quản lý dự án	10,00	-	-	-	0,43	-	-	-	10,00	0,43

4.3. Điều kiện và điều khoản vay: Tuân thủ theo điều kiện và điều khoản vay chung của dự án theo thỏa thuận của Chính phủ Việt Nam với nhà tài trợ.

4.4. Đề xuất cơ chế tài chính

4.4.1. Về tỷ lệ vay lại vốn vay ODA

Đôi chiếu các quy định tại khoản 1, điều 21, Nghị định số 97/2018/NĐ-CP và Quyết định số 1164/QĐ-BTC ngày 18/7/2018 của Bộ Tài chính, tỉnh Thanh Hóa đề xuất tỷ lệ vốn vay Trung ương cấp phát và cho tỉnh vay lại là: 60% cấp phát, 40% cho vay lại, cụ thể:

- Nguồn vốn vay Trung ương cấp phát (60%): 197,73 tỷ đồng, tương đương 8,52 triệu USD.

- Nguồn vốn vay Trung ương cho tỉnh Thanh Hóa vay lại (40%): 131,82 tỷ đồng, tương đương 5,68 triệu USD.

4.4.2. Về việc sử dụng các nguồn vốn cho các hạng mục của dự án

Tỉnh Thanh Hóa cam kết phân bổ và sử dụng các nguồn vốn đúng quy định tại Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý nợ công, Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020, Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 và Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 29/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ theo đúng các nguyên tắc sau:

- Nguồn vốn vay ưu đãi của WB (329,55 tỷ đồng, tương đương 14,2 triệu USD) thực hiện theo cơ chế Ngân sách Trung ương cấp phát và cho tỉnh vay lại theo các quy định của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 và Quyết định số 1164/QĐ-BTC ngày 18/7/2018 của Bộ Tài chính. Chỉ sử dụng nguồn vốn này cho các hoạt động đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên, các loại thuế, phí.

- Vốn đối ứng trong nước được tính toán trên cơ sở các nội dung, phạm vi đầu tư của từng hoạt động cho từng đơn vị thực hiện dự án và theo nguyên tắc hoạt động ở cấp nào sẽ do cấp đó bố trí. Theo đó, phần vốn đối ứng cho các hoạt động của dự án do tỉnh Thanh Hóa thực hiện sẽ lấy từ nguồn ngân sách tỉnh (dự kiến 70,45 tỷ đồng, tương đương 3,03 triệu USD). Phần vốn đối ứng sẽ được sử dụng cho các khoản chi phí phù hợp với quy định tại Khoản 2, Điều 43, Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về việc quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài. Các khoản chi phí này có thể gồm: chi phí hoạt động cho Ban quản lý dự án (lương, thưởng, phụ cấp, văn phòng, phương tiện làm việc, chi phí hành chính); chi phí thẩm định thiết kế, duyệt tổng dự toán, hoàn tất các thủ tục đầu tư, xây dựng và thủ tục hành chính cần thiết khác; chi phí tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo, tập huấn nghiệp vụ quản lý và thực hiện dự án; chi phí tuyên truyền về dự án; chi phí để trả các loại thuế, phí hải quan, phí bảo hiểm; chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng; chi phí quyết toán; chi phí khảo sát, thiết kế kỹ thuật, thi công... Tỉnh Thanh Hóa cam kết bố trí đủ và kịp thời vốn đối ứng theo tiến độ triển khai dự án.

4.4.2. Dự kiến tiến độ giải ngân hàng năm

Bảng 2: Dự kiến tiến độ giải ngân

Năm	Tổng số (tỷ đồng)	Giải ngân vốn ODA		Giải ngân vốn đối ứng ngân sách tỉnh	
		Số tiền (tỷ đồng)	Tương ứng tỷ lệ %	Số tiền (tỷ đồng)	Tương ứng tỷ lệ %
2021	24,93	16,478	5%	8,45	12%
2022	87,05	65,91	20%	21,14	30%
2023	122,11	98,865	30%	23,25	33%
2024	109,43	98,865	30%	10,57	15%
2025	56,48	49,433	15%	7,05	10%
Tổng	400,00	329,55	100%	70,45	100%

4.4.3. Về hạn mức và khả năng vay, trả nợ giai đoạn 2021-2025

a) Điều kiện được vay lại

Theo các quy định của Luật quản lý nợ công số 20/2017/QH14 ngày 23/11/2017, Luật ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Nghị định 97/2018/NĐ-CP về cho vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ; Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết Luật ngân sách, để UBND cấp tỉnh được vay lại vốn vay ODA phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Có chương trình, dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương do cấp có thẩm quyền phê duyệt, đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật.

- Chương trình, dự án đầu tư nêu trên có sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài.

- Không có nợ vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài quá hạn trên 180 ngày.

- Mức dư nợ vay của ngân sách địa phương tại thời điểm đề nghị vay lại không vượt quá mức hạn mức dư nợ được phép.

- Ngân sách địa phương cam kết trả nợ đầy đủ, đúng hạn.

b) Khả năng đáp ứng điều kiện vay lại của tỉnh Thanh Hóa

- Tỉnh Thanh Hóa đã chỉ đạo các Sở, ngành nghiên cứu đề đề xuất dự án Phát triển thủy sản bền vững vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa đã có Công văn số 2980/SKHĐT-KTĐN ngày 02/6/2020 xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài nguồn NSTW giai đoạn 2021 – 2025, trong đó bao gồm dự án “Phát triển thủy sản bền vững, vốn vay WB”, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo.

- Tính đến ngày 31/12/2019, tỉnh Thanh Hóa không có nợ vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài quá hạn trên 180 ngày.

- Dự án Phát triển thủy sản bền vững là dự án có sử dụng vốn nguồn vốn ODA của WB.

- Tỉnh Thanh Hóa cam kết bố trí ngân sách địa phương trả nợ đầy đủ, đúng hạn.

- Tổng dư nợ ngân sách tỉnh Thanh Hóa: Tỉnh Thanh Hóa có số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp nhỏ hơn chi thường xuyên của ngân sách địa phương nên theo Khoản 6 Điều 7 Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 thì hạn mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương là 20% số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp. Căn cứ kế hoạch thu ngân sách tỉnh Thanh Hóa giai đoạn (2020-2022) và số liệu ước tính cho giai đoạn năm (2023-2025); số liệu về kế hoạch nhận nợ của dự án tại Bảng 4 ta có kế hoạch mức dư nợ tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025 như sau:

Bảng 3. Kế hoạch nhận nợ của dự án và mức dư nợ của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2019-2025

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Nội dung	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1	Tổng thu NSDP được hưởng theo phân cấp	7.158	9.063	9.860	10.890	10.245	13.330	14.630
2	Mức dư nợ tối đa	1.432	1.813	1.972	2.178	2.049	2.666	2.926
3	Dư nợ cuối kỳ (chưa kể dự án này và các chương trình, dự án đang đề xuất cho giai đoạn 2021-2025)	480	495	829	1.354	1.960	2.336	2.630
4	Dự kiến vay của dự án	0	0	12	35	40	30	14,8
5	Dự kiến vay của các chương trình, dự án mới khác (nếu có)	0	0	0	0	0	0	0
6	Dư nợ cuối kỳ dự kiến (bao gồm cả dự án này và các chương trình, dự án đang đề xuất cho giai đoạn 2021-2025)	480	495	841	1.389	2.000	2.366	2.644,8
7	Tỷ lệ dư nợ cuối kỳ dự kiến/mức dư nợ tối đa (%)	33,5	27,3	42,6	63,8	97,6	88,7	90,4

(Nguồn: Công văn số 1929/STC-ĐT ngày 24/4/2020 của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa).

Như vậy khi tiếp nhận nợ cho dự án, mức dư nợ ngân sách tỉnh Thanh Hóa giai đoạn (2019-2025) đảm bảo tổng dư nợ vay không vượt quá hạn mức dư nợ được phép. Do đó, ngân sách tỉnh Thanh Hóa đảm bảo khả năng vay và trả nợ theo các quy định.

4.6. Dự kiến phương án cân đối nguồn trả nợ

Thời gian trả nợ thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 7 Nghị định 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

- Đặc điểm khoản vay:

- + Giá trị khoản vay: 131,82 tỷ đồng, tương đương 5,68 triệu USD.
- + Lãi suất cho vay lại: Theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- + Số ngày tính lãi: Số ngày tính lãi cho vay lại và lãi chậm trả nợ được tính trên số ngày thực tế sử dụng vốn và trên cơ sở 1 năm có 365 ngày.
- + Thời gian vay 25 năm trong đó có 5 năm ân hạn.
- + Đồng tiền vay lại: Đô la Mỹ (USD)
- + Đồng tiền thu hồi nợ: Đồng tiền Việt Nam và được áp dụng theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính quy định và thời điểm trả nợ.

- Phương án hoàn trả vốn vay: Sẽ huy động từ nguồn vốn đầu tư công hàng năm của tỉnh; các nguồn được cân đối trong nguồn thu, chi ngân sách hàng năm của tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác để trả nợ theo thời hạn cam kết với nhà tài trợ.

- Cam kết trả nợ: UBND tỉnh Thanh Hóa cam kết với Bộ Tài chính sẽ thực hiện nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc, lãi và phí phát sinh đối với phần vốn vay cho dự án.

- Phương án sử dụng vốn vay: Toàn bộ khoản vay lại tín dụng 131,82 tỷ đồng, tương đương 5,68 triệu USD sẽ sử dụng cho các mục tiêu đầu tư phát triển của dự án Phát triển thủy sản bền vững tỉnh Thanh Hóa.

- Phương án rút vốn và trả nợ: Theo đề nghị rút vốn của dự án, vốn vay sẽ được Bộ Tài chính chuyển trực tiếp về tài khoản đặc biệt của dự án mở tại ngân hàng được chỉ định là ngân hàng phục vụ cho dự án.

5. Đánh giá tác động

5.1. Đánh giá tác động sơ bộ hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường

5.1.1. Đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế - xã hội

Việc đầu tư thực hiện dự án sẽ có những tác động tích cực, mang lại các hiệu quả rõ rệt về mặt kinh tế - xã hội, cụ thể như sau:

- Dự án được triển khai thực hiện sẽ có tác động lớn tới quá trình định hướng các chiến lược phát triển ngành thủy sản theo hướng bền vững và hiệu quả, góp phần quan trọng để hoàn thành mục tiêu đạt trên 8.067 tỷ đồng giá trị sản xuất thủy sản năm 2025, cao gấp 1,82 lần so với năm 2015, giảm tổn thất sau thu hoạch từ 30% hiện nay xuống còn 10%. Các kỹ thuật tiên bộ và công nghệ mới được áp dụng trong bảo quản sản phẩm sau thu hoạch sẽ góp phần tăng giá trị sản phẩm cho khai thác thủy sản của tỉnh.

- Cơ sở hạ tầng cảng cá được đầu tư nâng cấp tạo điều kiện tăng thêm cho 150 lượt/1.000CV tàu cá vào bốc dỡ sản phẩm, đáp ứng 80% số lượng tàu cá có

khu neo đậu (tăng 20% so với trước đây), số lượng tiếp nhận hàng hóa đáp ứng tăng thêm 30.000 tấn/năm; khu neo đậu tránh trú bão được đầu tư nâng cấp sẽ đảm bảo thêm 1.000 tàu cá có nơi neo đậu tránh, trú bão; công tác quản lý tàu cá sẽ được nâng lên, góp phần quan trọng trong việc nâng cao năng lực khai thác thủy sản, nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm khai thác, giảm các thiệt hại do thiên tai gây ra; thu hút các cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá, các nhà máy chế biến thủy sản. Nâng cao năng lực trong quản lý và đảm bảo các điều kiện thực hiện các quy định về chống khai thác bất hợp pháp góp phần khắc phục được tình trạng khai thác bất hợp pháp (IUU), giải quyết tốt vấn đề truy xuất nguồn gốc, nâng cao hiệu quả khai thác, giải quyết công ăn việc làm cho công đồng ngư dân tại các khu vực ven biển, nâng cao thu nhập và đời sống của ngư dân.

- Đầu tư nâng cấp 07 vùng nuôi trồng thủy sản tập trung với 1.346 ha, góp phần hạn chế, giảm thiểu dịch bệnh, hiệu quả nuôi trồng thủy sản được nâng lên. Việc nâng cấp cơ sở hạ tầng tạo điều kiện cho việc đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ trong nuôi tôm nước lợ, giảm thiểu dịch bệnh, từ đó năng suất nuôi tăng lên 2 lần, hiệu quả kinh tế tăng lên 30-50% so với khi chưa nâng cấp; tạo việc làm trực tiếp cho hàng nghìn hộ với trên 2.500 lao động trực tiếp và hàng nghìn lao động gián tiếp làm nghề nuôi trồng thủy sản; góp phần tăng sản lượng tôm từ 4.700 tấn năm 2019 sẽ được tăng lên 10.700 tấn năm 2025, tăng 2,18 lần.

- Nâng cao nhận thức về trách nhiệm xã hội của người dân về khai thác và bảo vệ môi trường, lợi ích của liên kết chuỗi giá trị của cộng đồng từ cơ quan quản lý đến các tổ chức, cá nhân liên quan đến sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm thủy sản, các mô hình sản xuất hiệu quả, bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường được xây dựng và nhân rộng.

5.1.2. Đánh giá sơ bộ tác động về mặt môi trường - xã hội

Việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ khai thác hải sản và nuôi trồng thủy sản có ý nghĩa quan trọng trong mục tiêu phát triển bền vững ngành thủy sản. Góp phần thúc đẩy hiệu quả khai thác đi đôi với bảo vệ nguồn lợi, thích ứng với tình trạng biến đổi khí hậu, từng bước hạn chế ô nhiễm môi trường sinh thái; tạo điều kiện thuận lợi thực hiện kiểm soát tàu cá và truy xuất nguồn gốc hải sản; tạo điều kiện thuận lợi ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào nuôi trồng thủy sản, kiểm soát tốt chất lượng môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nuôi trồng. Các công trình được đầu tư tác động đến đời sống, tạo công ăn việc làm cho một bộ phận lớn người dân trực tiếp và gia tiếp tham gia khai thác hải sản, kinh doanh dịch vụ hậu cần nghề cá, nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản. Từ đó nâng cao đời sống, ổn định xã hội, góp phần bảo vệ an ninh quốc phòng và chủ quyền biển đảo.

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, đặc biệt là triển khai thi công các hạng mục công trình sẽ có một số tác động đến môi trường như: Bụi, tiếng ồn, các nguy cơ gây mất an toàn giao thông; việc tập trung đông số lượng công nhân không phải là người bản địa có thể tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các xung đột,... Tuy nhiên, các tác động này là ngắn hạn và có thể giảm thiểu bằng các biện pháp quản lý môi trường. UBND tỉnh Thanh Hóa cam kết sẽ chỉ đạo Chủ

đầu tư và các đơn vị có liên quan tuân thủ chặt chẽ các quy định, chính sách về môi trường – xã hội theo pháp luật hiện hành và quy định của Nhà tài trợ.

5.1.3. Đánh giá sơ bộ tác động đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn của cơ quan đề xuất

Hiện nay, tỉnh Thanh Hóa đã giao các đơn vị có liên quan nghiên cứu tổng hợp dự án Phát triển thủy sản bền vững tỉnh Thanh Hóa vào danh mục dự án khởi công mới trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh.

Thực hiện chỉ đạo nói trên của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa đã có Công văn số 4509/SNN&PTNT-KHTC ngày 18/11/2019 gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có Công văn số 2980/SKHĐT-KTĐN ngày 02/6/2020 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài nguồn NSTW giai đoạn 2021 – 2025, trong đó bao gồm dự án “Phát triển thủy sản bền vững, vốn vay WB”.

Như vậy, việc chuẩn bị và thực hiện dự án “Phát triển thủy sản bền vững, vốn vay WB” là hoàn toàn phù hợp với dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Thanh Hóa.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA